

PHỤ LỤC 1

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG HIỆP ĐỊNH ATIGA

GIAI ĐOẠN 2017 - 2022

(Kèm theo Tờ trình Chính phủ số /TTr-BTC ngày tháng năm 2022)

1. Đánh giá tổng thể

Theo đánh giá của Bộ Tài chính, dự thảo Nghị định đã đảm bảo được các yêu cầu sau:

- *Phù hợp với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, tính hợp hiến, hợp pháp:* Nội dung dự thảo Nghị định phù hợp với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, trong đó có chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Đảng. Việc triển khai xây dựng dự thảo Nghị định ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định ATIGA là nhằm thúc đẩy phát triển hoạt động thương mại, đầu tư và sản xuất giữa Việt Nam và các nước trong khu vực ASEAN.

Nội dung dự thảo Nghị định phù hợp với quy định của Hiến pháp năm 2013 và Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 2016, Luật Hải quan năm 2014.

- *Đảm bảo tính thống nhất trong hệ thống pháp luật:* Nghị định ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định ATIGA giai đoạn 2022-2027 đã được rà soát, đảm bảo tương thích, đồng bộ với các Luật, Nghị định liên quan như Luật Thương mại, Luật Đầu tư, Luật Quản lý thuế, Nghị định hướng dẫn Luật Đầu tư, Nghị định hướng dẫn Luật Đầu tư, Luật Thương mại.

- *Đảm bảo tính tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên:* Các nội dung của dự thảo Nghị định đã bảo đảm phù hợp với Hiệp định ATIGA và các điều ước quốc tế liên quan mà Việt Nam là thành viên.

Việc ban hành Nghị định theo Danh mục hàng hoá xuất nhập khẩu của Việt Nam trong giai đoạn 5 năm sẽ hỗ trợ công tác thống kê hải quan về xuất nhập khẩu, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, tạo môi trường kinh doanh minh bạch về thuế suất, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và cơ quan hải quan trong triển khai thực hiện.

2. Đánh giá tình hình thực thi Hiệp định ATIGA

Về kim ngạch nhập khẩu từ thị trường ASEAN, thống kê hải quan cho thấy, số liệu nhập khẩu trung bình giai đoạn 2018 - 2021 đạt 34,9 tỷ USD. Kim ngạch nhập khẩu năm 2019 đạt 33,6 tỷ USD, tăng 2% so với năm 2018 đạt 32,9 tỷ USD. Trong đó, tỷ lệ sử dụng C/O Mẫu D năm 2018 chiếm 44,9% và năm 2019 là 46,8%. Kim ngạch nhập khẩu năm 2020 đạt 32,3 tỷ USD giảm 3,7% so với năm 2019, tỷ lệ sử dụng C/O Mẫu D là 45,2%. Kim ngạch nhập khẩu năm 2021 đạt 40,9 tỷ USD, tăng 26,5% so với năm 2020, tỷ lệ sử dụng C/O Mẫu D là 37,6%. Trên cơ sở số liệu tỷ lệ áp dụng C/O Mẫu D trong tổng kim ngạch nhập khẩu cho thấy việc thực hiện Hiệp định đã thể hiện nhiều tác động tích cực, tỷ lệ tận dụng ưu đãi đặc biệt của Hiệp định đang ở mức khá cao so với các FTA đang thực hiện của Việt Nam (tỷ lệ sử dụng C/O Mẫu D trung bình giai đoạn 2018 - 2022 là 43,7%).

Trong năm 2021, Việt Nam nhập khẩu gần 40,9 tỷ USD từ ASEAN, chiếm 12,4% tổng kim ngạch nhập khẩu thế giới, mức nhập khẩu này đã tăng 26,5% (tương đương khoảng 8 tỷ USD) so với năm 2020, trong đó tăng mạnh nhất là mặt hàng ô tô 9 chỗ ngồi trở xuống, phụ tùng linh kiện, dầu thực vật, các sản phẩm dầu mỏ, máy vi tính và sản phẩm điện tử... Bên cạnh đó, cũng có một số mặt hàng giảm nhập khẩu đáng kể từ khu vực ASEAN như: nguyên phụ liệu thuốc lá, nguyên phụ liệu dệt may, giày da... Xét về số liệu nhập khẩu theo Giấy chứng nhận xuất xứ của Hiệp định (C/O Mẫu D), trong năm 2021, kim ngạch nhập khẩu theo Mẫu D đạt 15,4 tỷ USD, chiếm 37,6% tổng kim ngạch năm 2020 (chi tiết tại Phụ lục 1 trình kèm)

Bảng 1: Các nhóm mặt hàng có kim ngạch nhập khẩu lớn từ ASEAN

Đơn vị: tỷ USD

STT	Nhóm mặt hàng	KNNK năm 2021
1	Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	5,5
2	Máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng	2,8
3	Dầu Diesel	2,1
4	Dầu mỡ động thực vật	1,2
5	Ô tô 9 chỗ ngồi trở xuống	1,6
6	Sản phẩm từ dầu mỏ khác	3,6
7	Hàng rau quả	5,9
8	Sữa và các sản phẩm từ sữa	6,6
9	Hàng hóa khác	2,4
10	Chất dẻo nguyên liệu	1,9
11	Than đá	1,3
12	Linh kiện ô tô 9 chỗ ngồi trở xuống	1,04

Các nhóm hàng có kim ngạch nhập khẩu lớn tận dụng được ưu đãi đặc biệt theo Hiệp định gồm: Ô tô 9 chỗ ngồi chở xuống, than đá, hàng điện gia dụng và linh kiện, dầu mỡ động thực vật và chất dẻo nguyên liệu..Trong đó, ô tô 9 chỗ ngồi chở xuống và than đá có tỷ lệ sử dụng C/O Mẫu D theo Hiệp định ATIGA là 100%.

Bảng 2: Các nhóm hàng tận dụng được thuế suất ATIGA

STT	Nhóm mặt hàng	Giá trị nhập khẩu năm 2021 C/O Mẫu D (triệu USD)
1	Ô tô 9 chỗ ngồi chở xuống	1.647
2	Than đá	1.265
3	Hàng hóa khác	1.096
4	Hàng điện gia dụng và linh kiện	1.062
5	Dầu mỡ động thực vật	830
6	Chất dẻo nguyên liệu	759
7	Linh kiện ô tô 9 chỗ ngồi trở xuống	727
8	Sản phẩm hóa chất	543
9	Giấy các loại	531
10	Máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng	509

Về số thu thuế nhập khẩu theo C/O Mẫu D, số thu của Việt Nam giai đoạn 2018 - 2021 đạt mức trung bình khoảng 345 tỷ USD. Trong đó, giai đoạn giảm từ 40,6 tỷ VND (năm 2018) xuống 21,7 tỷ VND (năm 2019) và tăng đột biến vào năm 2020 đạt 607,7 tỷ VND và tiếp tục tăng đạt 711,6 tỷ VND vào năm 2021. Như vậy, có thể thấy việc thực hiện cam kết trong ATIGA đồng nghĩa với việc giảm thuế theo lộ trình, số thu năm 2018-2019 giảm. Tuy nhiên, giai đoạn năm 2020 - 2021, số thu tăng đột biến, do có số thu từ nhập khẩu mặt hàng đường. Theo đó, riêng số thu từ mặt hàng đường năm 2020 đạt 601 tỷ VND và đạt 629 tỷ VND vào năm 2021 do Việt Nam đã xóa bỏ hạn ngạch nhập khẩu đường từ ngày 1/1/2020 (với mức thuế suất đường mía, đường tinh luyện là 5%). Ngoài ra, trong giai đoạn 2020 – 2021, ghi nhận số thu từ nhập khẩu mặt hàng thịt, các phụ phẩm dạng thịt đạt 1,4 tỷ VND vào năm 2020 và 1,2 tỷ VND vào năm 2021 (đây là các dòng hàng được duy trì thuế suất ở mức 5%)

Bảng 3: Một số mặt hàng chính tăng/giảm thu từ ASEAN

Đơn vị: tỷ VND

STT	Nhóm hàng	Thu NK 2018	Thu NK 2021	Tăng/giảm thu
-----	-----------	-------------	-------------	------------------

STT	Nhóm hàng	Thu NK 2018	Thu NK 2021	Tăng/giảm thu
	Tăng thu			
1	Hàng hóa khác	23	631	608
2	Xăng	0	71	71
3	Sản phẩm từ dầu mỏ khác	0	9	9
4	Chất dẻo nguyên liệu	0	0,35	0,35
5	Gạo	0	0,21	0,21
	Giảm thu			
1	Hàng rau quả	16	0,04	16
2	Hóa chất	0,32	0	0,32
3	Thuốc trừ sâu và nguyên liệu	0,19	0	0,19
4	Sản phẩm hóa chất	0,16	0	0,16
5	Sản phẩm từ sắt thép	0,1	0	0,1

3. Đánh giá tác động của điều chỉnh biểu thuế

Do biểu thuế được xây dựng trên cơ sở bám sát cam kết tại Hiệp định nên về cơ bản thuế suất không thay đổi so với lộ trình đã cam kết. Tuy nhiên, do tác động của việc nhập dòng thuế, nguyên tắc tuân thủ các Hướng dẫn chuyển đổi của các Ủy ban thực thi Hiệp định, một số dòng thuế sau khi nhập dòng có mức thuế suất thấp hơn so với Nghị định 156/2017/NĐ-CP, đồng thời việc phân mã và mô tả hàng hoá theo AHTN 2022 đòi hỏi chi tiết hoá thêm một số dòng thuế ở cấp độ trên 8 số để bảo lưu cam kết gốc của Việt Nam tại các Hiệp định.

Về cơ bản, phần lớn các mã hàng trong Biểu thuế không thay đổi so với Biểu thuế theo Nghị định số 156/2017/NĐ-CP hiện hành. Như vậy, việc ban hành Nghị định không phát sinh tác động đến việc thực thi các cam kết trong khuôn khổ Hiệp định ATIGA đồng thời đảm bảo tính ổn định của biểu thuế ưu đãi đặc biệt.

Danh mục AHTN 2022 cấu trúc lại một số nhóm hàng, phân nhóm hàng, chi tiết thêm một số dòng hàng mới, những thay đổi này mục đích là để phù hợp với sự phát triển công nghệ và trao đổi thương mại quốc tế, thực hiện các cam kết theo các công ước, hiệp ước nhằm bảo vệ môi trường, bảo đảm an ninh thế

giới, kiểm soát hóa chất, vũ khí độc hại...về cơ bản những thay đổi này không ảnh hưởng đến chính sách quản lý thuế hiện hành. Đối với các mặt hàng mới và dòng hàng bị gộp từ nhiều dòng thuế có sự khác biệt về thuế suất và lộ trình cam kết cắt giảm thuế quan, Bộ Tài chính đã rà soát các cam kết gốc và thực hiện theo nguyên tắc chuyển đổi (chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo Tờ trình Chính phủ) trong quá trình xây dựng Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt ATIGA giai đoạn 2022 - 2027 theo Danh mục AHTN 2022 để đảm bảo không ảnh hưởng đến thu ngân sách và các chính sách bảo hộ sản xuất trong nước, chính sách quản lý mặt hàng. Một số nhóm hàng chính có sự thay đổi thuế suất khi chuyển đổi Biểu thuế ATIGA theo AHTN 2022 bao gồm: Các nhóm hàng chính có sự thay đổi thuế suất khi chuyển đổi Biểu thuế ATIGA theo AHTN 2022 là Các chế phẩm từ thịt, cá hay động vật giáp xác, động vật thân mềm hoặc động vật thủy sinh không xương sống khác (Chương 16), Các chế phẩm ăn được khác (Chương 21). Bộ Tài chính đã tuân thủ các nguyên tắc xây dựng thuế suất đảm bảo lợi ích và bảo lưu cam kết thuế quan của Việt Nam theo Hiệp định ATIGA.

Theo cam kết trong Hiệp định ATIGA, lộ trình đối với mặt hàng xăng dầu: Mặt hàng xăng dầu có lộ trình giảm thuế riêng theo kết quả đàm phán trong ASEAN và đã được ASEAN thông qua năm 2010. Theo cam kết, Việt Nam sẽ phải xóa bỏ thuế nhập khẩu các sản phẩm xăng dầu trong ASEAN với lộ trình dài nhất vào năm 2024.

Theo đánh giá của Bộ Tài chính, nếu giả định tỉ lệ tăng trưởng kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam trong khuôn khổ Hiệp định ATIGA là tốc độ tăng trưởng kim ngạch nhập khẩu từ ASEAN bình quân giai đoạn 2018-2021 (tương đương với tăng 8%/năm); Tỉ lệ sử dụng Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) là 43,6% theo tỷ lệ trung bình thực tế đạt được cho giai đoạn 2018-2021 thì tổng thu từ thuế nhập khẩu của Việt Nam của những nhóm hàng chịu tác động điều chỉnh sẽ tăng/giảm không đáng kể.

Tác động tăng/giảm thu ngân sách cho từng giai đoạn cắt giảm thuế quan đã được đánh giá vào thời điểm đàm phán lộ trình giảm thuế khi ký kết các FTA, đồng thời cũng được đánh giá tổng thể trong dự toán ngân sách hàng năm.